

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/HC-PT

Ngày: 04 - 9 - 2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 441/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2025/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1976;

Địa chỉ thường trú: 256B, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1 Ông Trần Văn T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa).

Địa chỉ liên lạc: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2 Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên lạc: 1084 L, ấp C, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị N1 (là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của chồng là ông Nguyễn Tấn T1) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 416/2009/GCN- UB do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 09/12/2009 diện tích là 77,9m² tọa lạc tại 256B ấp D, xã P, huyện N.

Ngày 29/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2633/QĐ-UBND thu hồi diện tích 42,3m² đất của bà Nguyễn Thị N1. Vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 37 do Công ty cổ phần Đ Thành lập ngày 01/6/2022. Lý do thu hồi để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng cầu P, Quận G- huyện N. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 với số tiền 1.152.668.401 đồng theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 234/PA- HĐBT.

Không đồng ý với quyết định trên, bà N1 khiếu nại, ngày 06/4/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 570/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên quyết định số 2686/QĐ-UBND, không công nhận nội dung khiếu nại của bà N1 yêu cầu tăng giá bồi thường diện tích đất 42,3m² từ đơn giá 23.050.368 đồng/m² lên 52.894.800 đồng/m² (đơn giá đất ở vị trí 1).

Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N (thừa kế của ông Nguyễn Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N1) yêu cầu:

Tuyên hành vi hành chính trong việc thực hiện thủ tục thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hành vi chỉ đạo đo đạc, kiểm đếm hiện trạng tài sản là sai, không đúng tài sản thực tế bị thu hồi của gia đình bà N.

Tuyên hủy Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Phương án số 234/PA –HĐBT ngày 29/12/2022 và lập phương án mới.

Tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N phải thực hiện hành vi hành chính là ban hành Quyết định cấp nền tái định cư cho gia đình bà N.

Tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường cho gia đình bà N theo giá thị trường với giá 125.000.000 đồng/m² vì đất của gia đình bà N ở vị trí 1 mặt tiền đường N.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường 6,9m² diện tích đất dư của gia đình bà N so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường 8m² đất phía trước của gia đình bà N đang sử dụng làm mái hiên và làm lối đi vào đối tượng được bồi thường vì phần 8m² đất phía trước của gia đình bà N chỉ có gia đình bà N sử dụng.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật vì chưa thấy có bất kỳ chính sách hỗ trợ nào khi thu hồi đất của gia đình bà N.

Ngày 16/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1547/QĐ- UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bổ sung) số 94/ PA – HĐBT ngày 02/8/2023 đối với những người thừa kế theo quy định của pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1. Quyết định này bổ sung cho Quyết định số 2686/QĐ- UBND ngày 29/12/2022 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 234/ PA – HĐBT ngày 29/12/2022 và Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 về việc điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2686/QĐ-UBND. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Phương án số 94/ PA – HĐBT là số tiền 102.467.214 đồng.

Ngày 07/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2622/QĐ- UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung) số 159/PA – HĐBT ngày 15/11/2023 đối với những người thừa kế theo quy định của pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1. Quyết định này bổ sung cho Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 234/ PA – HĐBT ngày 29/12/2022. Số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Phương án là 1.669.041 đồng (điện kế 01 pha).

Ngày 07/02/2024, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 207/QĐ- UBND về phê duyệt phương án hỗ trợ bà Nguyễn Thị Tuyết N2 (Quyết định số 506/UBND –TNMT ngày 14/3/2024 đính chính từ bà Nguyễn Thị Tuyết N2 thành bà Nguyễn Thị Mỹ N) số tiền 1.200.000 đồng là tiền hỗ trợ ổn định sản xuất kèm theo Phương án số 04/PA – HĐBT ngày 23/01/2024.

Ngày 30/8/2024, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2173/QĐ- UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (điều chỉnh, bổ sung) số 147/PA –HĐBT ngày 23/8/2024 đối với những người thừa kế theo quy định của pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung cho Quyết định số 2686/QĐ- UBND ngày 29/12/2022 (đính kèm Phương án 234/ PA – HĐBT ngày 29/12/2022), Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 (đính kèm Phương án 94/ PA – HĐBT ngày 02/8/2023), Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 (đính kèm Phương án 159/ PA – HĐBT ngày 15/11/2023) của Ủy ban nhân dân huyện N. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, điều chỉnh bổ sung trong phương án là 1.113.255.916 đồng.

Ngày 09/9/2024 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2196/QĐ- UBND về việc chấp thuận đối với những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 một nền tái định cư, diện tích 90m².

Ngày 26/6/2024, bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường cho gia đình bà N theo giá thị trường với giá là 125.000.000 đồng/m². Tòa án đã tách yêu cầu rút và đình chỉ đối với yêu cầu này. Ngày 24/10/2024, bà N có đơn xin rút yêu cầu tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N phải thực hiện hành vi hành chính là ban hành Quyết định cấp nền tái định cư cho gia đình bà N vì Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành quyết định cấp nền tái định cư cho bà. Ngày 05/3/2025, bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tuyên hành vi hành chính trong việc thực hiện thủ tục thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hành vi chỉ đạo đo đạc, kiểm đếm hiện trạng tài sản là sai, không đúng tài sản thực tế bị thu hồi của gia đình bà N; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường 6,9m² diện tích đất dư của gia đình bà N so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định bồi thường 8m² đất phía trước của gia đình bà N đang sử dụng làm mái hiên và làm lối đi vào đối tượng được bồi thường vì phần 8m² đất phía trước của gia đình bà N chỉ có gia đình bà N sử dụng; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật vì chưa thấy có bất kỳ chính sách hỗ trợ nào khi thu hồi đất của gia đình bà N. Tòa án đã tách các yêu cầu rút này thành một vụ kiện khác.

Đồng thời ngày 05/3/2025, bà N bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N1 (lần đầu)

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản số 574/UBND – BBT ngày 21/3/2024, văn bản số 3507/UBND – BBT ngày 23/12/2024, nội dung như sau:

Những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 có nhà đất bị thu hồi trong dự án với diện tích 42,3m² thuộc thửa 806 tờ bản đồ số 32 xã P được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 416/2009/GCN-UB ngày 09/12/2009 với loại đất ở nông thôn.

Ngày 26/12/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4479/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm của Dự án đầu tư Xây dựng cầu P, huyện N. Trên cơ sở quyết định nêu trên, ngày 29/12/2022 Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các bước ban hành Quyết định thu hồi đất số 2633/QĐ-UBND, Quyết định số 2686/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của bà N1 với số tiền là 1.152.668.401 đồng.

Ngày 29/6/2023 bà N1 chết, do đó Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định 1447/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về việc điều chỉnh đối tượng thu hồi đất tại Quyết định số 2633/QĐ-UBND và Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 về điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2686/QĐ-UBND. Ngày 16/8/2023 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1547/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung) kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung số 94/PA-HĐBT ngày 02/8/2023 khi Nhà nước thu hồi đất của những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 số tiền là 102.467.214 đồng. Ngày 07/12/2023 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2622/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung) khi Nhà nước thu hồi đất của những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà N1, ông T1 với số tiền là 1.669.401 đồng.

Ngày 25/11/2023, ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ tái định cư Thành phố ban hành Thông báo số 389/TB-BCĐBT về kết luận của Ban chỉ đạo Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại cuộc họp giải quyết một số vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong đó có nội dung chỉ đạo như sau:

“... Thống nhất theo nội dung đề xuất tại Tờ trình số 40/TTr-BCĐBT-TGV ngày 31/10/2023 của Tổ giúp việc về kiến nghị của hộ bà Nguyễn Thị N1 thu hồi hết phần diện tích đất ngoài ranh để được giải quyết bố trí tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng cầu P, Quận G- Nhà B, cụ thể giao Ủy ban nhân dân huyện N:

-Thu hồi phần diện tích đất 35,6m² còn lại ngoài ranh dự án của những người thừa kế theo quy định của pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 (theo nguyện vọng của gia đình);

- Giải quyết cho hộ dân được mua một nền tái định cư với diện tích 90,0m² tại khu tái định cư P, Quận G theo đơn giá đã được phê duyệt của dự án;

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đối với phần diện tích 35,6m² còn lại ngoài ranh này đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo chặt chẽ theo quy định, quản lý sử dụng phần diện tích này theo đúng quy định của pháp luật...”

Ngày 09/9/2024, Ủy ban nhân dân huyện N đã bố trí một nền tái định cư theo quyết định số 2196/QĐ-UBND, đã bồi thường phần diện tích 6,9m² và hỗ trợ đối với phần diện tích 8m² theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND về phê duyệt phương án kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều chỉnh, bổ sung số 147/PA-HĐBT ngày 23/8/2024.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2025/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 (là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của chồng là ông Nguyễn Tấn T1), địa chỉ B tổ E, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng cầu P, Quận G- huyện N (kèm theo Phương án số 234/PA –HĐBT ngày 29/12/2022);

Quyết định số 570/QĐ- UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N1 (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2025, bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T thống nhất thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với các lý do:

Trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Ủy ban nhân dân huyện N xác định phần đất gia đình bà N tiếp giáp hẻm để quyết định bồi thường đất ở vị trí thứ 04 là không chính xác, vì vị trí đất của bà N không tiếp giáp hẻm và lối đi chung không phải là hẻm, từ nhà đất của bà N chỉ có một lối đi chung duy nhất ra đường P.

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ, lối đi chung không phải là hẻm, cách giải thích lối đi chung là hẻm trong Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H không phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 91/2005/NĐ-CP và hiện nay ngoài Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì không có bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào quy định lối đi chung là hẻm. Do đó, không thể áp dụng định nghĩa lối đi chung là hẻm trong Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H để giải quyết vụ án vì định nghĩa này trái với Nghị định của Chính phủ.

Hơn nữa, hàng năm gia đình bà N đóng thuế ở vị trí 03, nhưng khi bồi thường lại bồi thường cho gia đình bà N ở vị trí 04 là có sự mâu thuẫn trong chính hồ sơ địa chính lưu trữ tại Ủy ban nhân dân huyện N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người bị kiện xác định văn bản của thuế không phải là chứng cứ để xác định vị trí đất, nhưng thông báo nộp tiền sử dụng đất số BN: 2009/151H đề ngày 28/12/2009 của Chi cục thuế huyện N và thông báo nộp lệ phí trước nhà, đất đều căn cứ vào phiếu chuyển thông tin địa chính đề ngày 04/12/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N để xác định nghĩa vụ tài chính đối với gia đình bà N. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh từ cơ quan thuế xem việc ra thông báo đóng thuế cho gia đình bà N ở vị trí 3 là căn cứ vào đâu.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các quy định của pháp luật, không đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ trong vụ án, đưa thiếu người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 08/9/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị Mỹ N và hủy Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị Mỹ N là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với các Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 về điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2686/QĐ-UBND; Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung); Quyết định số 2173/QĐ-UBND về phê duyệt phương án kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (điều chỉnh, bổ sung) số 147/PA-HĐBT ngày 23/8/2024; Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về phê duyệt Phương án hỗ trợ bà Nguyễn Thị Tuyết N2, Quyết định số 506/UBND-TNMT ngày 14/3/2024 về việc đình chỉ Quyết định số 207/QĐ-UBND; Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc chấp thuận đối với những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 một nền tái định cư, diện tích 90m². Các quyết định nêu trên đáp ứng được một số yêu cầu khởi kiện của bà N2 nên bà N2 đã rút yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định này. Tòa án cấp sơ thẩm tách và đình chỉ đối với các yêu cầu rút đơn khởi kiện này; đồng thời, không xem xét tính hợp pháp của các quyết định này trong cùng vụ án, là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Bà Nguyễn Thị N1 (chết ngày 29/6/2023 là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của chồng là ông Nguyễn Tấn T1) đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 416/2009/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 09/12/2009 với diện tích là 77,9m² tọa lạc tại 256B ấp D, xã P, huyện N.

Để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu P, Quận G - huyện N, ngày 29/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2633/QĐ-

UBND thu hồi diện tích 42,3m² đất của bà Nguyễn Thị N1; cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2686/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị N1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; các Điều 62, 63, 69; 88, 89, 90 Luật đất đai năm 2013.

Không đồng ý với Quyết định số 2686/QĐ-UBND trên, bà N1 khiếu nại. Ngày 06/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 570/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên Quyết định số 2686/QĐ-UBND, không công nhận nội dung khiếu nại của bà N1 yêu cầu tăng giá bồi thường diện tích 42,3m² đất từ đơn giá 23.050.368 đồng/m² lên 52.894.800 đồng/m² (đơn giá đất ở vị trí 1) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại 2011.

[2.2] Về nội dung: Xét các yêu cầu kháng cáo của bà N2 (đại diện những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1).

[2.2.1] Về vị trí đất bị thu hồi:

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 416/2009/GCN-UB do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 09/12/2009 cho bà Nguyễn Thị N1 với diện tích 77,9m² thuộc thửa 806, tờ bản đồ số 32 xã P không bao gồm diện tích ngõ đi chung dẫn ra đường N. Do đó, không có cơ sở xác định phần diện tích 42,3m² đất mà bà Nguyễn Thị N1 bị thu hồi nằm giáp với đường Nguyễn Hữu L để làm cơ sở bồi thường cho bà N1 theo vị trí số 1.

Căn cứ vị trí, ranh giới xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 37 do Công ty Cổ phần Đ Thành lập ngày 01/6/2022 và bản vẽ của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 416/2009/GCN-UB thì vị trí nhà đất của các đồng thừa kế ông T1, bà N1 không tiếp giáp mặt tiền đường, phải đi qua lối đi chung 2m và được xác định là hẻm theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Theo Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc số 14/GXN-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã P xác định vị trí đất của các đồng thừa kế ông T1, bà N1 thuộc đường P, hẻm đơn, vị trí 4 độ sâu <100m. Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024 quy định: “Vị trí 3: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 3m đến dưới 5m thì tính bằng 0.8 của vị trí 2. Vị trí 4: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có những vị trí còn lại tính bằng 0.8 của vị trí 3”. Căn cứ vào các tài liệu trên thì đất của các đồng thừa kế của ông T1, bà N1 thuộc vị trí 4.

[2.2.2] Về các chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Xét thấy, việc thu hồi 42,3m² đất của gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ N để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu P, Quận G - huyện N thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Phần đất diện tích 42,3m² bị thu hồi của gia đình bà N có mục đích sử dụng đất ở, vị trí 4, đối chiếu theo chính sách số 03/CSBT-HĐBT ngày 28/12/2022 (đã được phê duyệt bằng Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 29/12/2022) của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng cầu P Quận G - huyện N quy định giá bồi thường đất ở là: 20,009 (hệ số điều chỉnh K đã được phê duyệt bằng Quyết định số 4479/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố H) x 1.152.000 đồng/m² (đơn giá đất ở đường P đoạn từ cầu P đến N xã P, vị trí 4 cách mặt tiền đường dưới 100m) = 23.050.368 đồng/m². Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ban hành Phương án số 234/PA-HĐBT ngày 29/12/2022 chiết tính bồi thường, hỗ trợ đất ở cho các đồng thừa kế của bà N1, ông T1 với số tiền 42,3m² x 23.050.368 đồng/m² = 975.030.566 đồng và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm với tổng số tiền bồi thường theo phương án 1.152.668.401 đồng, là đúng quy định.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện N cũng đã ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung các chính sách đầy đủ cho gia đình bà N như bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thực hiện dự án 102.467.214 đồng; bồi thường bổ sung 1.669.041 đồng (điện kế 01 pha); hỗ trợ ổn định sản xuất 1.200.000 đồng; bồi thường phần diện tích dư so với giấy chứng nhận 6,9m²; hỗ trợ đối với phần diện tích 8m² nằm trong hành lang lộ giới; thu hồi, bồi thường phần diện tích đất 35,6m² còn lại ngoài ranh dự án (theo nguyện vọng của gia đình); Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, điều chỉnh bổ sung là 1.113.255.916 đồng.

Đồng thời, ngày 09/9/2024, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 2196/QĐ-UBND về việc chấp thuận cho những người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Tấn T1 được mua một nền tái định cư với diện tích 90,0m² tại khu tái định cư P, Quận G theo đơn giá đã được phê duyệt của dự án, là đã vận dụng đầy đủ các chính sách bồi thường, hỗ trợ có lợi cho gia đình bà N theo quy định.

Do đó, ngày 06/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 570/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên Quyết định số 2686/QĐ-UBND, không công nhận nội dung khiếu nại của bà N1 yêu cầu tăng giá bồi thường diện tích đất 42,3m² từ đơn giá 23.050.368 đồng/m² lên 52.894.800 đồng/m² (đơn giá đất ở vị trí 1), là có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 (là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của chồng là ông Nguyễn Tấn T1) địa chỉ B tổ E, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng cầu P, Quận G - huyện N (kèm theo Phương án số 234/PA-HĐBT ngày 29/12/2022);

- Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N1 (lần đầu).

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070422 ngày 21/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA

Phạm Văn Công

Đinh Ngọc Thu Hương

Trần Thị Hòa Hiệp